

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 238/2022/HNGĐ-ST

Ngày 01 tháng 7 năm 2022

V/v: “Tranh chấp Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lâm Thành Quang**

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Nguyễn Trường Hận**

2/ Ông **Hồ Quang Minh**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trịnh Nga Muội** - Thư ký viên, Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 01 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 218/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2022 về việc “Tranh chấp Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 198/2021/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh **Nguyễn Văn D**, sinh năm 1983 (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt), trú: Khóm 6B, thị t, huyện T, tỉnh Cà Mau

- *Bị đơn:* Chị **Lê Thị Kim C**, sinh năm 1979 (Vắng mặt), trú: Khóm 6B, thị t, huyện T, tỉnh Cà Mau

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn anh **Nguyễn Văn D** trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Lê Thị Kim C chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phong Điền, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Trong cuộc sống bất đồng ý kiến, không có tiếng nói chung, dẫn đến vợ chồng cãi nhau và làm cho cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Nay, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với chị C.

Về con chung: Vợ chồng có 03 người con chung tên Nguyễn Thị Bé Thi, sinh ngày 16/8/2011 (giới tính: Nữ), Nguyễn Ngọc Tú, sinh ngày 02/3/2015 (giới tính: Nữ) và Nguyễn Chung Tính, sinh ngày 01/9/2017 (giới tính: Nam). Hiện, cháu Thi và cháu Tú do nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng, còn cháu Tính do chị C trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, nguyên đơn yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Thi và cháu Tú, đồng ý giao cháu Tính cho chị C nuôi dưỡng. Không đặt ra việc cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay, nguyên đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật và bảo lưu ý kiến như trình bày tại đơn khởi kiện.

- Đối với bị đơn chị **Lê Thị Kim C**: Khi thụ lý, Tòa án đã thực hiện thủ tục tổng đạt, niêm yết đúng theo quy định của pháp luật, nhưng bị đơn vắng mặt, không có văn bản nêu ý kiến gửi đến Tòa án.

Vụ án, được Tòa án tiến hành công khai chứng cứ và lập biên bản không tiến hành hòa giải được, do bị đơn vắng mặt.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án ghi nhận ý kiến cháu Thi và cháu Tú có nguyện vọng được sống chung với anh D.

Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt, còn nguyên đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt và bảo lưu ý kiến tại đơn khởi kiện giao nộp cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Được xác định là “Tranh chấp về Ly hôn”, đồng thời bị đơn có nơi cư trú tại Huyện Trần Văn Thời, nên Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Do, nguyên đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt, còn bị đơn vắng mặt lần thứ hai. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, cần xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp.

[3] Anh D và chị C tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phong Điền, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau nên được xem là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Quá trình chung sống, anh D và chị C phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không quan tâm chăm sóc đến nhau, nên anh D nộp đơn ly hôn. Đối với chị C, Tòa án đã triệu tập để hòa giải, nhằm giải quyết mâu thuẫn để hàn gắn gia đình nhưng chị C vắng mặt, không tham gia tố tụng và không có văn bản thể hiện ý kiến gì trước yêu cầu ly hôn của anh D. Cho thấy, chị C đã không quan tâm đến việc hàn gắn hạnh phúc gia đình với anh D. Tại đơn khởi kiện và đơn yêu cầu xét xử vắng mặt anh D kiên quyết ly hôn với chị C.

[5] Theo Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và có nghĩa vụ chung sống với nhau.

[6] Xét, mâu thuẫn giữa anh D và chị C đã trầm trọng, không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, yêu cầu được ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn là phù hợp với Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[7] Về con chung: Anh D và chị C có 03 người con chung tên Nguyễn Thị Bé Thi, sinh ngày 16/8/2011 (giới tính: Nữ), Nguyễn Ngọc Tú, sinh ngày 02/3/2015 (giới tính: Nữ) và Nguyễn Chung Tính, sinh ngày 01/9/2017 (giới tính: Nam). Cháu Thi và cháu Tú do nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng, còn cháu Tính do chị C trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, nguyên đơn yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Thi và cháu Tú, đồng ý giao cháu Tính cho chị C nuôi dưỡng. Còn, phía chị C vắng mặt, không có ý kiến gì nên không có cơ sở xem xét. Ngoài ra, cháu Thi và cháu Tú có nguyện vọng được sống chung với anh D. Do đó, Hội đồng xét xử xét vì lợi ích của con chung, đảm bảo sự ổn định trong cuộc sống nên cần giao cháu Thi và cháu Tú cho anh D và giao cháu Tính cho chị C, được quyền nuôi dưỡng, cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[8] Về cấp dưỡng, tài sản chung, nợ chung: Do, bị đơn vắng mặt, nguyên đơn không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết, trường hợp có tranh chấp sẽ được giải quyết ở vụ án khác.

[9] Về án phí: Buộc anh D phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền 300.000 đồng, trừ số tiền 300.000 đồng anh D dự nộp tại biên lai 4694 ngày 21/4/2022 tại C cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau (nguyên đơn nộp xong).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; các điều 228, 235, 238, 273, 483 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các điều 19, 51, 56, 57, 58, 59, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26 Luật thi hành án dân sự năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về hôn nhân: Cho anh Nguyễn Văn D được ly hôn với chị Lê Thị Kim C.

2/ Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Bé Thi, sinh ngày 16/8/2011 (giới tính: Nữ) và cháu Nguyễn Ngọc Tú, sinh ngày 02/3/2015 (giới tính: Nữ) cho anh Nguyễn Văn D và giao cháu Nguyễn Chung Tính, sinh ngày 01/9/2017 (giới tính: Nam) cho chị Lê Thị Kim C, được quyền chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

“Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở. Trường hợp, bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Bên trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở bên không trực tiếp nuôi con trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Khi thấy cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bên trực tiếp nuôi con, bên không trực tiếp nuôi

con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật”.

3/ Về cấp dưỡng, tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết, trường hợp có tranh chấp sẽ được giải quyết ở vụ án khác.

4/ Về án phí: Buộc anh Nguyễn Văn D phải chịu án phí số tiền 300.000 đồng, đối trừ số tiền 300.000 đồng anh D dự nộp tại biên lai 4694 ngày 21/4/2022 tại C cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau (nguyên đơn nộp xong).

5/ Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6/ Về nghĩa vụ thi hành án: “Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Các đương sự (02b);
- VKSND H. Trần Văn Thời (01b);
- C cục THADS H. Trần Văn Thời (01b);
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn (01b);
- Lưu hồ sơ vụ án (01b);
- Lưu án văn (01b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Lâm Thành Quang